

**TỜ TRÌNH**

**V/v thông qua Nghị quyết phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư  
phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2023  
thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội  
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày  
4/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng  
Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng  
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ  
năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính Phủ về quy  
định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính  
phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng  
nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ  
nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển  
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm  
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết phân bổ chi tiết vốn  
đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2023 thuộc  
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc  
thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình với các nội dung sau:

**I. KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN.**

**1. Nguyên tắc phân bổ.** ✓

- Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính Phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư; bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu tại Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 10/06/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa, an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và miền núi tỉnh giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn, bản khó khăn, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và có khó khăn đặc thù; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu; phân bổ vốn đầu tư Chương trình tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

- Ưu tiên bố trí ngân sách trung ương đầu tư các công trình giao thông cho các xã chưa có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; đầu tư công trình giao thông kết nối (hệ thống cầu, đường giao thông), công trình điện lưới quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho các xã biên giới, xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn; đầu tư trường dân tộc nội trú cho huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, có nhiều xã đặc biệt khó khăn nhưng chưa có địa điểm hoặc phải thuê địa điểm hoạt động.

- Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

## **2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2023.**

*2.1. Phân bổ vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục

tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình; phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 – 2025 là: **800.193 triệu đồng**.

Hiện tại có 2/7 dự án (4 và 10) thuộc Chương trình đã phân bổ theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg và Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND, còn lại 5/7 dự án (1, 2, 5, 6, 9) tạm phân bổ để các địa phương, đơn vị tiếp cận vấn đề, triển khai thực hiện và giải ngân vốn Chương trình. Khi có các hướng dẫn rõ hơn của Trung ương, của tỉnh, đơn vị tham mưu sẽ trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh lại cho phù hợp. Cụ thể như sau:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt. Vốn đầu tư phát triển phân bổ giai đoạn 2021 - 2025 là: 118.702 triệu đồng.

+ Đối với hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất: Bố trí mỗi thôn, bản thụ hưởng Chương trình là 500 triệu đồng. Tổng cộng 102 thôn, bản là 51.000 triệu đồng.

+ Đối với hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Số vốn trung hạn cho nội dung này là 118.702 triệu đồng, đã bố trí 51.000 triệu đồng (để hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất ở trên) phần còn lại là 67.702 triệu đồng. Năm 2022 đã bố trí 05 công trình nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn 05 huyện với tổng mức đầu tư 29.200 triệu đồng, còn lại 38.502 triệu đồng đầu tư các công trình nước sinh hoạt tập trung cho các địa phương thụ hưởng Chương trình, sẽ phân bổ sau.

- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết. Vốn đầu tư phát triển phân bổ giai đoạn 2021 - 2025 là: 196.714 triệu đồng.

+ Phân bổ 157.371 triệu đồng (tương đương 80% nguồn vốn trung hạn của dự án) cho các huyện trên cơ sở số thôn, bản thụ hưởng của từng huyện.

+ Số vốn còn lại 39.343 triệu đồng sẽ phân bổ sau nhằm đảm bảo cân đối khi có đầy đủ hướng dẫn và tính toán theo định mức, tiêu chí.

- Tiểu dự án 1 thuộc dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Vốn đầu tư phát triển phân bổ giai đoạn 2021 - 2025 là: 163.789 triệu đồng (theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức).

+ Phân bổ nguồn vốn 30.000 triệu đồng cho huyện Lệ Thủy triển khai dự án đường liên xã Kim Thủy, Ngân Thủy.

+ Phân bổ nguồn vốn 5.500 triệu đồng cho huyện Bố Trạch thực hiện dự án Chợ biên giới xã Thượng Trạch. ✓

+ Đầu tư các công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương thụ hưởng là 34.500 triệu đồng, sẽ phân bổ sau.

+ Phân bổ nguồn vốn còn lại của tiểu dự án là 93.789 triệu đồng cho các huyện trên cơ sở số xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, xã biên giới và tỷ lệ hộ nghèo.

- Tiểu dự án 1 thuộc dự án 5: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Vốn đầu tư phát triển phân bổ giai đoạn 2021 - 2025 là: 54.737 triệu đồng.

+ Phân bổ nguồn vốn 12.000 triệu đồng cho Sở Giáo dục và Đào tạo đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh; Phân bổ đều nguồn vốn 35.000 triệu đồng cho 05 công trình trên địa bàn 05 huyện thụ hưởng, mỗi công trình là 7.000 triệu đồng.

+ Phần còn lại 7.737 triệu đồng để đầu tư cho các trường dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (sẽ phân bổ sau).

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Vốn đầu tư phát triển phân bổ giai đoạn 2021 - 2025 là: 42.885 triệu đồng (đã bố trí năm 2022 là 7.739 triệu đồng, số vốn còn lại sẽ phân bổ sau).

- Tiểu dự án 1 thuộc dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù. Vốn đầu tư phát triển phân bổ giai đoạn 2021 - 2025 là: 218.186 triệu đồng (theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức). Địa bàn thụ hưởng của Tiểu dự án 1 thuộc dự án 9 là các thôn, bản có các dân tộc có khó khăn đặc thù (dân tộc Chứt) theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó địa phương được thụ hưởng Tiểu dự án gồm huyện Minh Hóa, Tuyên Hóa, Bố Trạch.

+ Đã phân bổ nguồn vốn 45.000 triệu đồng cho Ban Dân tộc để triển khai 02 công trình trên địa bàn thụ hưởng xã Dân Hóa, Trọng Hóa.

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương thụ hưởng là 45.000 triệu đồng, sẽ phân bổ sau.

+ Phân bổ đều nguồn vốn còn lại 128.186 triệu đồng cho các thôn, bản thụ hưởng tiểu dự án thuộc các huyện để triển khai thực hiện.

- Tiểu dự án 2 thuộc dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Vốn đầu tư phát triển phân bổ giai đoạn 2021 - 2025 là: 5.180 triệu đồng (theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức). ✓

Phân bổ toàn bộ nguồn vốn cho các huyện trên cơ sở số xã, thôn thụ hưởng của từng huyện.

## *2.2. Phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2023 là: **206.068 triệu đồng**.

Trên cơ sở phương án phân bổ của giai đoạn 2021 – 2025, việc phân bổ vốn đầu tư phát triển năm 2023 của Chương trình có 2/7 dự án (4,10) thuộc Chương trình đã phân bổ theo tiêu chí định mức tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg và Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND, còn lại 5/7 dự án (1, 2, 5, 6, 9) tạm phân bổ. Cụ thể như sau:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt. Vốn đầu tư phát triển phân bổ năm 2023 là: 38.722 triệu đồng.

+ Đối với hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất: Trên cơ sở nguồn vốn trung hạn và số vốn đã bố trí năm 2022 của từng huyện, số vốn năm 2023 thuộc nội dung này là 14.500 triệu đồng, được chi tiết theo phụ lục của Chương trình.

+ Đối với hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Trên cơ sở tổng số tiền phân bổ năm 2023 cho dự án 1, số tiền để đầu tư các công trình nước sinh hoạt tập trung cho các địa phương thụ hưởng còn lại là 24.222 triệu đồng sẽ phân bổ sau.

- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết. Vốn đầu tư phát triển phân bổ năm 2023 là: 47.466 triệu đồng.

Phân bổ toàn bộ nguồn vốn cho các huyện trên cơ sở số thôn, bản thụ hưởng của từng huyện.

- Tiểu dự án 1 thuộc dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Vốn đầu tư phát triển phân bổ năm 2023 là: 39.522 triệu đồng (theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức).

+ Phân bổ nguồn vốn 8.928 triệu đồng cho huyện Lệ Thủy triển khai dự án đường liên xã Kim Thủy, Ngân Thủy.

+ Phân bổ nguồn vốn 2.000 triệu đồng cho huyện Bồ Trạch thực hiện dự án Chợ biên giới xã Thượng Trạch.

+ Phân bổ nguồn vốn còn lại của tiêu dự án là 28.594 triệu đồng cho các huyện trên cơ sở số xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, xã biên giới và tỷ lệ hộ nghèo.

- Tiêu dự án 1 thuộc dự án 5: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Vốn đầu tư phát triển phân bổ năm 2023 là: 13.208 triệu đồng.

+ Phân bổ nguồn vốn 3.917 triệu đồng cho Sở Giáo dục và Đào tạo đầu tư nâng cấp, cải tạo Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh.

+ Phân bổ đều nguồn vốn 9.291 triệu đồng cho 05 công trình chuyển tiếp, mỗi công trình là 1.858 triệu đồng.

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Vốn đầu tư phát triển phân bổ năm 2023 là: 10.374 triệu đồng (phân bổ sau).

- Tiêu dự án 1 thuộc dự án 9: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù. Vốn đầu tư phát triển phân bổ năm 2023 là: 55.128 triệu đồng (theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức).

+ Phân bổ nguồn vốn 15.364 triệu đồng cho Ban Dân tộc để triển khai 02 công trình trên địa bàn thụ hưởng xã Dân Hóa, Trọng Hóa.

+ Phân bổ đều số nguồn vốn còn lại 39.764 triệu đồng cho các thôn, bản thụ hưởng thuộc các huyện (các thôn, bản có dân tộc có khó khăn đặc thù) để triển khai thực hiện.

- Tiêu dự án 2 thuộc dự án 10: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Vốn đầu tư phát triển phân bổ năm 2023 là: 1.648 triệu đồng (theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức).

Phân bổ toàn bộ nguồn vốn cho các huyện trên cơ sở số xã, thôn thụ hưởng của từng huyện.

### **3. Tổng nguồn vốn và phương án phân bổ.**

- Tổng nguồn vốn giai đoạn 2021-2025: 800.193 triệu đồng

- Tổng nguồn vốn năm 2023: 206.068 triệu đồng

- Phương án phân bổ vốn giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 (Có chi tiết phụ lục kèm theo)

## **II. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT.**

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ban Văn hóa xã hội, Ban Kinh tế ngân sách-HĐND tỉnh tham gia thẩm tra Nghị quyết; đảm bảo quy trình, thủ tục trong xây dựng Nghị quyết.

### III. NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT.

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều, trong đó:

Điều 1. Thông qua phân bổ chi tiết nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Điều 3. Hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

*(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)*

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII xem xét, quyết định././ ✓

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH .

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Mạnh Hùng**

## Phụ lục

**Phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình**

(Kèm theo Tờ trình số 2256/TTr-UBND ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

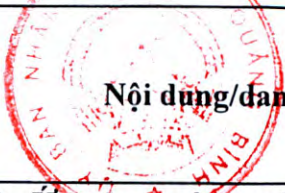
TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn đã phân bổ năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Đơn vị thực hiện
	<b>Tổng số</b>			<b>800.193</b>	<b>156.999</b>	<b>206.068</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>			<b>118.702</b>	<b>34.311</b>	<b>38.722</b>	
<i>a</i>	<i>Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất</i>			<i>51.000</i>	<i>5.500</i>	<i>14.500</i>	
1	Huyện Lệ Thủy			10.500	1.500	3.000	UBND huyện Lệ Thủy
2	Huyện Quảng Ninh			9.500	500	3.000	UBND huyện Quảng Ninh
3	Huyện Bố Trạch			11.000	1.000	3.000	UBND huyện Bố Trạch
4	Huyện Minh Hóa			18.000	2.000	5.000	UBND huyện Minh Hóa
5	Huyện Tuyên Hóa			2.000	500	500	UBND huyện Tuyên Hóa
<i>b</i>	<i>Đầu tư công trình nước sinh hoạt tập trung</i>			<i>67.702</i>	<i>28.811</i>	<i>24.222</i>	
1	Nước sinh hoạt tập trung bản Mới, bản Xà Khía, bản Tăng Ký	Xã Lâm Thủy, huyện Lệ Thủy	2022-2023	5.500	5.427		UBND huyện Lệ Thủy
2	Nước sinh hoạt tập trung bản Thượng Sơn, thôn Liên Xuân, bản Đá Chát	Xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh	2022-2023	5.200	5.131		UBND huyện Quảng Ninh
3	Công trình nước sinh hoạt tập trung Bản 39	Xã Tân Trạch, huyện Bố Trạch	2022-2023	6.000	5.920		UBND huyện Bố Trạch



TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn đã phân bổ năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Đơn vị thực hiện
4	Nước sinh hoạt tập trung thôn Thuận Hóa và Đặng Hóa	Xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa	2022-2023	6.000	5.920		UBND huyện Minh Hóa
5	Nước sinh hoạt tập trung thôn Tiền Phong	Xã Lâm Hóa, huyện Tuyên Hóa	2022-2023	6.500	6.413		UBND huyện Tuyên Hóa
6	Đầu tư các công trình nước sinh hoạt tập trung cho các địa			38.502		24.222	Phân bổ sau
<b>II</b>	<b>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</b>			<b>196.714</b>	<b>35.409</b>	<b>47.466</b>	
1	Huyện Lệ Thủy			32.400	7.290	9.772	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
2	Huyện Quảng Ninh			29.314	6.596	8.842	
3	Huyện Bố Trạch			33.943	7.637	10.238	
4	Huyện Minh Hóa			55.543	12.497	16.753	
5	Huyện Tuyên Hóa			6.171	1.389	1.861	
6	Số vốn chưa phân bổ (20% vốn trung hạn)			39.343			
<b>III</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc</b>			<b>163.789</b>	<b>29.482</b>	<b>39.522</b>	
	<b>Tiểu dự án 1. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>			<b>163.789</b>	<b>29.482</b>	<b>39.522</b>	
<b>a</b>	<b>Phân bổ cho các huyện</b>			<b>93.789</b>	<b>24.266</b>	<b>28.594</b>	
1	Huyện Lệ Thủy			23.126	5.983	7.051	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
2	Huyện Quảng Ninh			11.792	3.051	3.595	
3	Huyện Bố Trạch			18.677	4.832	5.694	
4	Huyện Minh Hóa			32.735	8.470	9.980	
5	Huyện Tuyên Hóa			7.458	1.930	2.274	

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn đã phân bổ năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Đơn vị thực hiện
b.	<b>Đầu tư các công trình có tác động lớn đến phát triển KT-XH địa phương</b>			70.000	5.216	10.928	
1	Chợ biên giới xã Thượng Trạch	Xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	2022-2024	5.500	2.000	2.000	UBND huyện Bố Trạch
2	Xây dựng tuyến đường giao thông liên xã từ xã Kim Thủy đi xã Ngân Thủy	Xã Kim Thủy, Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy	2022-2024	30.000	3.216	8.928	UBND huyện Lệ Thủy
3	Đầu tư các công trình cho các địa phương			34.500			Phân bổ sau
IV	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>			54.737	9.853	13.208	
	<b>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>			54.737	9.853	13.208	
1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trường PTDTNT Huyện Quảng Ninh	Xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh	2022-2024	7.000	1.921	1.858	UBND huyện Quảng Ninh
2	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTNT Huyện Bố Trạch	Xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	2022-2024	7.000	1.921	1.858	UBND huyện Bố Trạch
3	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTBT TH và THCS Dân Hóa, huyện Minh Hóa	Xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa	2022-2024	7.000	1.921	1.858	UBND huyện Minh Hóa
4	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTBT TH và THCS Lâm Hóa, Huyện Tuyên Hóa	Xã Lâm Hóa, huyện Tuyên	2022-2024	7.000	1.920	1.858	UBND huyện Tuyên Hóa

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn đã phân bổ năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Đơn vị thực hiện
5	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTBT TH và THCS Lâm Thủy và Trường PTDTNT huyện Lệ Thủy	Xã Lâm Thủy, Mai Thủy, huyện Lệ Thủy	2022-2024	7.000	1.920	1.858	UBND huyện Lệ Thủy
6	Đầu tư nâng cấp, cải tạo trường PTDTNT tỉnh	Phường Bắc Lý, TP Đồng Hới	2023-2025	12.000	250	3.917	Sở Giáo dục và Đào tạo
7	Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường DTNT, BT			7.737			Phân bổ sau
V	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>			<b>42.885</b>	<b>7.739</b>	<b>10.374</b>	Phân bổ sau
VI	<b>Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn</b>			<b>218.186</b>	<b>39.273</b>	<b>55.128</b>	
	<b>Tiểu dự án 1. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</b>			<b>218.186</b>	<b>39.273</b>	<b>55.128</b>	
a	<b>Phân bổ cho các huyện</b>			<b>128.186</b>	<b>25.000</b>	<b>39.765</b>	
1	Huyện Bố Trạch			6.409	1.136	1.988	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện
2	Huyện Minh Hóa			96.140	19.318	29.823	
3	Huyện Tuyên Hóa			25.637	4.546	7.953	
b.	<b>Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu</b>			<b>90.000</b>	<b>14.273</b>	<b>15.364</b>	
1	Hạ tầng giao thông kết hợp điện lưới vào khu dân cư các bản (Lòm - K.Chăm, Dộ - Tà Vòng) dân tộc Chứt xã Trọng Hóa, huyện Minh Hóa	Xã Trọng Hóa, huyện Minh Hóa	2022-2024	30.000	9.500	10.250	Ban Dân tộc
2	Hạ tầng giao thông kết hợp kè chống sạt lở khu dân cư các bản (Ba Loóc, Bãi Dinh, K-Ai) dân tộc Chứt xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa	Xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa	2022-2024	15.000	4.773	5.114	
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các địa phương			45.000			Phân bổ sau
VII	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>			<b>5.180</b>	<b>932</b>	<b>1.648</b>	

TT	 Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn đã phân bổ năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Đơn vị thực hiện
	<b>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>			5.180	932	1.648	
1	Huyện Lệ Thủy			1.400	254	445	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
2	Huyện Quảng Ninh			498	85	158	
3	Huyện Bố Trạch			949	169	302	
4	Huyện Minh Hóa			1.867	339	594	
5	Huyện Tuyên Hóa			467	85	148	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Bình, ngày ... tháng ... năm 2022*

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2023 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 4/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính Phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày .../.../2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết phân bổ chi tiết vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2023 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa xã hội, Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phân bổ chi tiết nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình.

- Tổng nguồn vốn phân bổ giai đoạn 2021-2025: 800.193 triệu đồng
- Tổng nguồn vốn phân bổ năm 2023: 206.068 triệu đồng

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

**Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao**

Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu, các đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ ... thông qua ngày      tháng      năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình; Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VP HĐND tỉnh.

**CHỦ TỊCH**

## Phụ lục I

**Phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn đã phân bổ năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Đơn vị thực hiện
	<b>Tổng số</b>			<b>800.193</b>	<b>156.999</b>	<b>206.068</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>			<b>118.702</b>	<b>34.311</b>	<b>38.722</b>	
<i>a</i>	<i>Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất</i>			<i>51.000</i>	<i>5.500</i>	<i>14.500</i>	
1	Huyện Lệ Thủy			10.500	1.500	3.000	UBND huyện Lệ
2	Huyện Quảng Ninh			9.500	500	3.000	UBND huyện Quảng Ninh
3	Huyện Bố Trạch			11.000	1.000	3.000	UBND huyện Bố Trạch
4	Huyện Minh Hóa			18.000	2.000	5.000	UBND huyện Minh Hóa
5	Huyện Tuyên Hóa			2.000	500	500	UBND huyện Tuyên Hóa
<i>b</i>	<i>Đầu tư công trình nước sinh hoạt tập trung</i>			<i>67.702</i>	<i>28.811</i>	<i>24.222</i>	
1	Nước sinh hoạt tập trung bản Mới, bản Xà Khía, bản Tăng Ký	Xã Lâm Thủy, huyện Lệ Thủy	2022-2023	5.500	5.427		UBND huyện Lệ Thủy

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn đã phân bổ năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Đơn vị thực hiện
2	Nước sinh hoạt tập trung bản Thượng Sơn, thôn Liên Xuân, bản Đá Chát	Xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh	2022-2023	5.200	5.131		UBND huyện Quảng Ninh
3	Công trình nước sinh hoạt tập trung Bản 39	Xã Tân Trạch, huyện Bố Trạch	2022-2023	6.000	5.920		UBND huyện Bố Trạch
4	Nước sinh hoạt tập trung thôn Thuận Hóa và Đặng Hóa	Xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa	2022-2023	6.000	5.920		UBND huyện Minh Hóa
5	Nước sinh hoạt tập trung thôn Tiền Phong	Xã Lâm Hóa, huyện Tuyên	2022-2023	6.500	6.413		UBND huyện Tuyên Hóa
6	Đầu tư các công trình nước sinh hoạt tập trung cho các địa			38.502		24.222	Phân bổ chi tiết sau
<b>II</b>	<b>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</b>			<b>196.714</b>	<b>35.409</b>	<b>47.466</b>	
1	Huyện Lệ Thủy			32.400	7.290	9.772	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
2	Huyện Quảng Ninh			29.314	6.596	8.842	
3	Huyện Bố Trạch			33.943	7.637	10.238	
4	Huyện Minh Hóa			55.543	12.497	16.753	
5	Huyện Tuyên Hóa			6.171	1.389	1.861	
6	Số vốn chưa phân bổ (20% vốn trung hạn)			39.343			Phân bổ sau
<b>III</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc</b>			<b>163.789</b>	<b>29.482</b>	<b>39.522</b>	
	<b>Tiểu dự án 1. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>			<b>163.789</b>	<b>29.482</b>	<b>39.522</b>	
<b>a</b>	<b>Phân bổ cho các huyện</b>			<b>93.789</b>	<b>24.266</b>	<b>28.594</b>	



TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn đã phân bổ năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Đơn vị thực hiện
1	Huyện Lệ Thủy			23.126	5.983	7.051	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
2	Huyện Quảng Ninh			11.792	3.051	3.595	
3	Huyện Bố Trạch			18.677	4.832	5.694	
4	Huyện Minh Hóa			32.735	8.470	9.980	
5	Huyện Tuyên Hóa			7.458	1.930	2.274	
<b>b.</b>	<b>Đầu tư các công trình có tác động lớn đến phát triển KT-XH địa phương</b>			<b>70.000</b>	<b>5.216</b>	<b>10.928</b>	
1	Chợ biên giới xã Thượng Trạch	Xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	2022-2024	5.500	2.000	2.000	UBND huyện Bố Trạch
2	Xây dựng tuyến đường giao thông liên xã từ xã Kim Thủy đi xã Ngân Thủy	Xã Kim Thủy, Ngân Thủy, huyện Lệ Thủy	2022-2024	30.000	3.216	8.928	UBND huyện Lệ Thủy
3	Đầu tư các công trình cho các địa phương			34.500			Phân bổ sau
<b>IV</b>	<b>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</b>			<b>54.737</b>	<b>9.853</b>	<b>13.208</b>	
	<b>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>			<b>54.737</b>	<b>9.853</b>	<b>13.208</b>	
1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trường PTDTNT Huyện Quảng Ninh	Xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh	2022-2024	7.000	1.921	1.858	UBND huyện Quảng Ninh
2	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTNT Huyện Bố Trạch	Xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	2022-2024	7.000	1.921	1.858	UBND huyện Bố Trạch

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn đã phân bổ năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Đơn vị thực hiện
3	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTBT TH và THCS Dân Hóa, huyện Minh Hóa	Xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa	2022-2024	7.000	1.921	1.858	UBND huyện Minh Hóa
4	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTBT TH và THCS Lâm Hóa, Huyện Tuyên Hóa	Xã Lâm Hóa, huyện Tuyên	2022-2024	7.000	1.920	1.858	UBND huyện Tuyên Hóa
5	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trường PTDTBT TH và THCS Lâm Thủy và Trường PTDTNT huyện Lệ Thủy	Xã Lâm Thủy, Mai Thủy, huyện Lệ Thủy	2022-2024	7.000	1.920	1.858	UBND huyện Lệ Thủy
6	Đầu tư nâng cấp, cải tạo trường PTDTNT tỉnh	Phường Bắc Lý, TP Đồng Hới	2023-2025	12.000	250	3.917	Sở Giáo dục và Đào tạo
7	Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường DTNT, BT			7.737			Phân bổ sau
V	<b>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>			<b>42.885</b>	<b>7.739</b>	<b>10.374</b>	Phân bổ sau
VI	<b>Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn</b>			<b>218.186</b>	<b>39.273</b>	<b>55.128</b>	
	<b>Tiểu dự án 1. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù</b>			<b>218.186</b>	<b>39.273</b>	<b>55.128</b>	
a	<b>Phân bổ cho các huyện</b>			<b>128.186</b>	<b>25.000</b>	<b>39.765</b>	
1	Huyện Bố Trạch			6.409	1.136	1.988	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện
2	Huyện Minh Hóa			96.140	19.318	29.823	
3	Huyện Tuyên Hóa			25.637	4.546	7.953	
b.	<b>Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu</b>			<b>90.000</b>	<b>14.273</b>	<b>15.364</b>	
1	Hạ tầng giao thông kết hợp điện lưới vào khu dân cư các bản (Lòm - K.Chăm, Dộ - Tà Vòng) dân tộc Chứt xã Trọng Hóa, huyện Minh Hóa	Xã Trọng Hóa, huyện Minh Hóa	2022-2024	30.000	9.500	10.250	Ban Dân tộc

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025	Số vốn đã phân bổ năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Đơn vị thực hiện
2	Hạ tầng giao thông kết hợp kè chống sạt lở khu dân cư các bản (Ba Loóc, Bãi Dinh, K-Ai) dân tộc Chứt xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa	Xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa	2022-2024	15.000	4.773	5.114	Dan Dân tộc
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các địa phương			45.000			Phân bổ sau
VII	<b>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình</b>			<b>5.180</b>	<b>932</b>	<b>1.648</b>	
	<b>Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>			<b>5.180</b>	<b>932</b>	<b>1.648</b>	
1	Huyện Lệ Thủy			1.400	254	445	Giao UBND huyện tổng hợp danh mục trình HĐND huyện thông qua
2	Huyện Quảng Ninh			498	85	158	
3	Huyện Bố Trạch			949	169	302	
4	Huyện Minh Hóa			1.867	339	594	
5	Huyện Tuyên Hóa			467	85	148	